UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 512 /TB-TTPTQĐ

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc cho thuê nhà do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng quản lý, khai thác

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng thông báo danh mục nhà, đất cho thuê nhà (gắn với quyền sử dụng đất), giá sàn cho thuê, nội dung cụ thể như sau:

1. Danh mục nhà, đất cho thuê theo phương thức niêm yết giá:

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trụ sở làm việc Đài TTTH, xã Nông Sơn		1.000,0	104,0	104,0	72.014	104,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	3.744.728

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
2	Nhà quản lý số 2 hồ Đông Tiền, thôn Bình An, xã Đồng Dương		172,8	62,0	62,0	44.107	62,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	1.367.317
3	Trụ sở UBND xã Quế Minh (cũ), Xã Quế Sơn	000212600099878	5.020,0	1.000,0	1.000,0	49.369	1.000,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	24.684.500
4	Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn (cũ), 201 Hùng Vương, xã Quế Sơn	000212500102235	246,4	160,0	160,0	52.387	160,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa	4.190.960

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
5	Hội chữ thập đỏ (cũ), 364 Trần Nhân Tông, Vĩnh Điện, Phường Điện Bàn		175,6	273,35	273,35	73.946	273,35	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	10.106.570
6	Phòng Tài chính-Kế hoạch (cũ)-VP HĐND và UBND xã Thăng Bình, 292 Tiểu La, xã Thăng Bình		772,7	518,2	518,2	47.787	518,2	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	12.381.612
7	Thuế cơ sở 8 – Xã Thăng An	000212600099823	200,0	146,2	146,2	153.265	146,2	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho,	11.203.672

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
8	Điểm trường MG Hương Sen (Phân hiệu Đại An), xã Nông Sơn		600,0	140,0	140,0	45.678	140,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	3.197.460
9	Điểm trường MG thôn Trung Phước 2, xã Nông Sơn		120,0	100,0	100,0	42.915	100,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào	2.145.750

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
10	Điểm trường Mẫu giáo thôn Trung Nam, xã Nông Sơn		409,5	56,0	56,0	47.720	56,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	1.336.160

2. Danh mục nhà, đất cho thuê theo phương thức chào giá cạnh tranh:

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	KBNN Nam Trà My, xã Nam Trà My		3.540,00	810,00	810,00	397.930	810,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày,	161.162.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
2	Thuế cơ sở 10, xã Nam Trà My		3.349,00	546,00	546,00	319.463	546,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	87.213.000
3	Nhà khách tỉnh ủy (cũ), 258 Hùng Vương phường Tam Kỳ		2.721,30	1.453,00	1.453,00	530.605	1.453,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	385.485.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
4	Đài truyền hình Tam Kỳ (cũ), 215 Hùng Vương phường Tam Kỳ		1.194,60	451,32	451,32	917.695	451,32	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	207.087.000
5	UBND Trường Xuân (cũ), 118 Lê Tấn Trung phường Tam Kỳ		2.959,80	1.273,755	1.273,755	441.899	1.273,755	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	281.436.000
6	Đội quy tắc đô thị xã Điện Bàn (cũ), 87 Mẹ Thứ xã Điện Bàn		761,30	638,00	638,00	263.195	638,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa	83.959.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
7	KBNN Hiệp Đức (cũ), xã Hiệp Đức		1.760,00	960,00	960,00	685.733	960,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	329.152.000
8	KBNN Đại Lộc (cũ), xã Đại Lộc	000212500026361	1.456,70	626,00	626,00	489.889	626,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	153.335.000
9	BHXH Đại Lộc (cũ), xã Đại Lộc		1.037,00	1.362,00	1.362,00	363.163	1.362,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho,	247.314.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
10	VKSND huyện Nông Sơn (cũ), thôn Trung Hạ xã Nông Sơn		2.455,00	1.093,00	1.093,00	635.387	1.093,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	347.239.000
11	VKSND huyện Quế Sơn (cũ), đường Ngô Tuân, thôn Lãnh Thượng 1 xã Quế Sơn		2.982,00	1.168,56	1.168,56	1.026.630	1.168,56	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào	599.839.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
12	Trụ sở làm việc của Thống kê cơ sở Quế Sơn thuộc TK TP Đà Nẵng (địa chỉ: Thôn Trung Hạ, xã Nông Sơn)	000212600001490	1.000,00	326,11	326,11	529.474	326,11	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	86.333.000
13	Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Sơn. Địa chỉ xã Nông Sơn		1.969,40	577,00	577,00	711.548	577,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	205.282.000
14	Chi cục Thuế huyện Nông Sơn. Địa chỉ xã Nông Sơn	000212600103156	3.375,00	1.414,70	1.414,70	426.000	1.414,70	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày,	301.331.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
15	Kho bạc Nhà nước Nông Sơn. Địa chỉ xã Nông Sơn	000212600103157	3.450,00	900,00	900,00	533.072	900,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	239.882.000
16	VKSND huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam (cũ), địa chỉ: thôn Agrồng, xã Tây Giang	000212500056042	1.761,00	930,00	930,00	111.559	930,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	51.875.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
17	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng, số 30 Hùng Vương, phường Bàn Thạch	000212600100344	4.828,00	1.063,00	1.063,00	906.540	1.063,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	481.826.000
18	VKSND thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (cũ), địa chỉ: 66 Hùng Vương, phường Bàn Thạch		1.870,00	836,00	836,00	426.085	836,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	178.104.000
19	Trạm Tam Thăng, phường Bàn Thạch - Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung. Thôn Mỹ		611,00	144,00	144,00	399.002	144,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa	28.728.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
	Cang, phường Bàn Thạch								trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
20	Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 (Chi cục Thi hành án dân sự TP Tam Kỳ (cũ), địa chỉ: 18B Trần Quý Cáp, Bàn Thạch)		697,70	795,00	795,00	322.104	795,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	128.036.000
21	Thuế TP Đà Nẵng. Số 594 Hùng Vương, phường Hương Trà		7.456,00	8.044,80	8.044,80	308.783	8.044,80	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	1.242.049.000
22	Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 (Chi cục	000212500102238	888,30	251,00	251,00	352.739	251,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho,	44.269.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
	Thi hành án dân sự huyện Phước Sơn) Số 19 đường Hồ Chí Minh, xã Khâm Đức, TP Đà Nẵng								cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
23	Sở dân tộc, số 09 đường Trần Hưng Đạo, phường Bàn Thạch	000212600100342	2.125,00	1.925,22	1.925,22	364.096	1.925,22	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	350.482.000
24	Trụ sở tổ chức hội (cũ), số 02 Phan Đăng Lưu, phường Tam Kỳ		960,00	1.544,00	1.544,00	286.483	1.544,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào	221.165.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
25	Trụ sở làm việc KBNN Phước Sơn cũ Địa chỉ: Thửa đất số 12, tờ bản đồ 05, xã Khâm Đức (trước đây là TT Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam)	000212500026360	1.188,00	900,00	900,00	344.891	900,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	155.201.000
26	UBND phường Điện Phương (cũ), phường Điện Bàn	000212600100215	2.979,00	2.425,00	2.425,00	201.202	2.425,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	243.957.000
27	84 Phan Bội Châu, phường Bàn Thạch		754,00	993,00	993,00	320.863	993,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày,	159.308.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
28	Hội nông dân tỉnh Quảng Nam cũ - 18B Trần Phú, phường Bàn Thạch	00021260099583	1.063,80	886,00	886,00	714.805	886,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	316.659.000
29	Hội Chữ thập đỏ tỉnh Quảng Nam cũ - 22 Trần Phú, phường Bàn Thạch	00021260100352	1.000,00	682,40	682,40	284.662	682,40	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	97.127.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
30	Phòng Giáo dục và đào tạo thành phố, số 06 Trần Quý Cáp, phường Bàn Thạch		1.269,50	1.585,10	1.585,10	175.150	1.585,10	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	138.815.000
31	Sở Tài chính Tam Kỳ, 102 Trần Quý Cáp, phường Bàn Thạch	000212600100343	3.864,30	3.716,34	3.716,34	484.830	3.716,34	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	900.897.000
32	Thanh tra thành phố - 08 Nguyễn Chí Thanh, phường Bàn Thạch	000212600099590	3.219,90	2.217,66	2.217,66	604.193	2.217,66	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa	669.947.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
33	07 Trần Hưng Đạo, phường Bàn Thạch	000212600100346	4.629,40	2.274,00	2.274,00	343.385	2.274,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	390.429.000
34	Lê Văn Tâm, xã Núi Thành (BHXH)		1.052,90	1.000,00	1.000,00	644.692	1.000,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	322.346.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
35	Trụ sở làm việc Hải quan cửa khẩu cảng Kỳ Hà - xã Núi Thành		5.414,70	1.657,60	1.657,60	159.053	1.657,60	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	131.823.000
36	Thuế cơ sở 7 - Xã Nam Phước		132,00	230,40	230,40	372.559	230,40	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	42.919.000
37	VP Sở KHCN, Số 54 Hùng Vương, phường Bàn Thạch	000212600099564	1.695,0	1.868,6	1.868,6	412.073	1.868,6	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa	385.000.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
38	Báo Nhân dân, 100 Trần Quý Cáp (phường Tân Thạnh, Tam Kỳ cũ), phường Bàn Thạch		1.274,5	750,0	750,0	866.641	750,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	324.990.000
39	Hội Liên Hiệp phụ nữ Tỉnh Quảng Nam cũ, Số 18 Trần Phú, phường Bàn Thạch	000212600099586	1.012,0	865,0	865,0	721.252	865,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	311.941.000
40	Hiệp hội doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng, 28	000212600100367	540,0	569,0	569,0	220.900	569,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho,	62.846.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
	Trần Phú, phường Bàn Thạch								cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
41	Hội Nhà báo (11 Hùng Vương, thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam), phường Bàn Thạch		1.044,7	589,0	589,0	368.469	589,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	108.514.000
42	Công đoàn Viên chức tỉnh Quảng Nam (cũ), số 07 Hùng Vương, phường Bàn Thạch		800,0	544,4	544,4	406.330	544,4	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào	110.603.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
43	Cơ sở nhà, đất tại số 37 Trần Hưng Đạo, phường Bàn Thạch		683,1	352,0	352,0	251.347	352,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	44.237.000
44	Trụ sở Kho bạc nhà nước Tam Kỳ (cũ) 158 Phan Bội Châu, phường Bàn Thạch	000212600 099324	3.720,5	1.035,1	1.035,1	847.155	1.035,1	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	438.445.000
45	Liên minh Hợp tác xã (26 Trần Phú, TP Tam		1.000,0	880,0	880,0	533.224	880,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày,	234.619.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
	Kỳ, tỉnh Quảng Nam), phường Bàn Thạch								giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
46	Đội QL XNC tại Hội An (cũ): Số 88 Phan Chu Trinh, phường Hội An		110,0	183,0	183,0	413.491	183,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	37.834.000
47	Cơ sở 2, Trường Tiểu học Lê Độ, Tổ dân phố Bầu Ốc, phường Hội An		2.523,0	320,0	320,0	1.032.626	320,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	165.220.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
48	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm, đường Nguyễn Văn Trỗi, phường Quảng Phú	000212600100351	2.787,0	719,1	719,1	680.697	719,1	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	244.745.000
49	Trung tâm Pháp y thành phố, Sở Y tế, Đường Nguyễn Văn Trỗi, phường Quảng Phú	000212600099756	2.026,0	871,19	871,19	244.046	871,19	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	106.305.000
50	Trụ sở Hội người cao tuổi tỉnh tại phường An Phú (cũ), phường Quảng Phú		15.501,4	660,0	660,0	606.225	660,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa	200.054.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
51	Cơ sở nhà, đất trụ sở làm việc Đội QLTT số 7, đường Duy Tân, phường Quảng Phú	000212600103207	196,3	423,6	423,6	424.819	423,6	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	89.977.000
52	TT kiểm soát bệnh tật, Đường Nguyễn Văn Trỗi, phường Quảng Phú		2.625,0	3.001,74	3.001,74	391.928	3.001,74	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	588.233.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
53	Trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Quế Trung cũ, xã Nông Sơn		691,0	334,0	334,0	157.513	334,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	26.305.000
54	TAND huyện Quế Sơn cũ (cơ sở 2),Tổ dân phố Trung Hạ, xã Nông Sơn	000212600095161	5.833,0	572,0	572,0	419.983	572,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	120.115.000
55	Trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Sơn Viên, xã Nông Sơn		6.032,0	1.574,0	1.574,0	417.539	1.574,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa	328.603.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
56	Hội người mù thành phố, Số 425 Hoàng Diệu, phường Hòa Cường		106,0	259,5	259,5	392.174	259,5	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	50.885.000
57	Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ (cũ), số 361 Cách Mạng tháng 8, Phường Cẩm Lệ		656,6	491,0	491,0	550.170	491,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	135.067.000
58	Trụ sở nhà làm việc xã Tam Hiệp cũ, đường ĐT	000212600100113	3.094,9	412,0	412,0	162.785	412,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho,	33.534.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
	617, Phái Nhơn xã Núi Thành								cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
59	LĐLĐ huyện Đại Lộc, xã Đại Lộc		533,1	261,0	261,0	336.891	261,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	43.964.000
60	LĐLĐ huyện Quế Sơn, xã Quế Sơn		1.994,9	320,8	320,8	352.476	320,8	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào	56.537.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
61	Trụ sở làm việc KBNN Bắc Trà My cũ, xã Trà My, TP Đà Nẵng (trước đây là TT Trà My, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam)		1.769,5	745,0	745,0	252.361	745,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	94.004.000
62	TAND khu vực 7 - Đà Nẵng (Trụ sở TAND huyện Tiên Phước cũ), Xã Tiên Phước	000212500016153	2.072,0	1.320,0	1.320,0	86.903	1.320,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	57.356.000
63	Trụ sở làm việc Bảo hiểm xã hội. Tại số 22		1.175,8	900,0	900,0	697.903	900,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày,	314.056.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
	Nguyễn Du, thôn An Trung, xã Tiên Phước								giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
64	Thuế cơ sở 7 tại 416 Hùng Vương, xã Nam Phước		2.905,0	2.269,2	2.269,2	257.448	2.269,2	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	292.101.000
65	Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp - UBND xã Thăng Bình, cơ sở tại 83-85 Nguyễn Hoàng, xã Thăng Bình		1.155,1	792,0	792,0	347.445	792,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	137.588.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
66	Thuế cơ sở 7 (Đội thuế liên xã Điện Nam Bắc - Điện Nam Trung - Điện Dương - Điện Ngọc), 641 Trần Hưng Đạo, phường Điện Bàn Đông		159,4	67,0	67,0	847.175	67,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	28.380.000
67	Thuế cơ sở 8 (trước đây là trụ sở Chi cục Thuế Hiệp Đức), Xã Hiệp Đức, TP Đà Nẵng		3.654,0	1.590,0	1.590,0	454.602	1.590,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	361.409.000
68	Nhà làm việc của Hội đoàn thể (QLN), Số 70 Điện Biên Phủ, phường Thanh Khê	000212600100329	109,0	223,0	223,0	477.131	223,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa	53.200.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
69	Trung tâm Trợ giúp pháp lý (QLN), Số 06 Hà Đông 1, phường Thạnh Khê		125,0	347,0	347,0	463.309	347,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	80.384.000
70	Trường Tiểu học số 2 Hòa Tiến, thôn An Trạch, xã Hòa Tiến		1.292,0	244,0	244,0	316.938	244,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	38.666.000
71	Tòa án nhân dân khu vực 12 (TAND huyện		2.730,0	1.537,0	1.537,0	80.465	1.537,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho,	61.837.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
	Tây Giang cũ). Thôn Agrồng, xã Tây Giang								cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
72	Trụ sở làm việc Thuế TPĐN (QLN), Số 1A Trần Quý Cáp, phường Hải Châu		590,5	2.820,0	2.820,0	222.367	2.820,0	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	313.537.000
73	Hải quan KCN Đà Nẵng - Phường Liên Chiểu		9.942,0	205,2	205,2	2.833.376	205,2	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào	290.704.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m^2)			Giá sàn cho thuê (đồng/ m^2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m^2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	

3. Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước: bắt đầu từ 07 giờ 30 phút ngày 03/11/2026 đến hết 17 giờ 30 phút ngày 06/11/2026 (không tính Thứ Bảy, Chủ Nhật) tại Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng – số 147 Phan Thanh, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng ***(Hướng dẫn nộp hồ sơ đăng ký thuê nhà, đất đính kèm Thông báo này).***

4. Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà: bắt đầu từ 14 giờ 30 phút **ngày 09/11/2026**, tại Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng – số 245 Lê Duẩn, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

5. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê nhà (gắn với quyền sử dụng đất) tại điểm 1 Thông báo này thực hiện:

a) Nộp Phiếu đăng ký thuê nhà do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng phát hành và tiền đặt trước được xác định bằng 5% của tiền thuê nhà cho cả thời hạn thuê nhà theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ vào tài khoản ngân hàng **[Số tài khoản: 0321056868889; tên chủ tài khoản: Trung tâm Phát triển quỹ đất TP Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Đà Nẵng],** thời gian nộp tiền đặt trước: từ 07 giờ 30 phút 03/11/2026 đến hết 17 giờ 30 phút ngày 06/11/2026.

b) Tham dự buổi xác định người được quyền thuê nhà theo đúng thời gian, địa điểm thông báo tại điểm 3 Thông báo này.

c) Trường hợp có nhu cầu xem nhà trước khi nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê nhà đăng ký với Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng.

6. Thông tin liên hệ của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng:

- Địa chỉ liên hệ: Phòng Khai thác nhà, đất – số 147 Phan Thanh, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

- Điện thoại liên hệ: 02363.655.655

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng xin thông báo./.

Nơi nhận:
- UBND thành phố Đà Nẵng (để báo cáo);
- Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng (để đăng tin);
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính thành phố (để đăng tin);
- Trang thông tin điện tử Trung tâm PTQĐ (để đăng tin);
- UBND các xã, phường: Nam Trà My, Tam Kỳ, Điện Bàn, Hiệp Đức, Đại Lộc, Nông Sơn, Quế Sơn, Tây Giang, Bàn Thạch, Hương Trà, Phước Sơn, Núi Thành, Nam Phước, Khâm Đức, Hội An, Quảng Phú, Hòa Cường, Cẩm Lệ, Tiên Phước, Thăng Bình, Liên Chiểu, Hải Châu, Hòa Tiến, Thanh Khê, Đồng Dương, Thăng An (để hỗ trợ đăng tin);
- Niêm yết công khai tại trụ sở Trung tâm PTQĐ;
- Lưu: VT, P.KTNĐ(Oanh).

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Võ Nguyên Chương